TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/10/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1. Bà Vũ Thị Phượng
2. Bà Lò Thị Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Khắc Huân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Đỗ Yến Ly - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2018/TLST - HNGĐ, ngày 30 tháng 7 năm 2018, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2018/QĐST - HNGD ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị **Vàng Thị T** - Sinh năm 1987.
Nơi ĐKHKTT: Bản T1, xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu.
Tạm trú tại: Bản P, xã S, thành phố C, tỉnh Lai Châu (có mặt)

***Bị đơn*:** Anh **Lù Văn È** - Sinh năm 1987
Nơi ĐKHKTT: Bản T1, xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu về hành vi vi phạm pháp luật hình sự, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội
Người đại diện theo Ủy quyền: Bà **Đỗ Thị T** – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 02/8/2018), (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các Biên bản ghi lời khai và tại phiên toà Nguyên đơn chị Vàng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lù Văn E chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2007 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh E không chịu khó làm ăn, chơi bời và bị nghiện chất ma túy. Hơn nữa anh E còn thường xuyên đánh đập chị T, đuổi chị và các con ra khỏi nhà nhiều lần, chị phải về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó chị có quay về nhà nhưng anh E không thay đổi. Đến đầu tháng 12/2016 vợ chồng chị tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, anh E tiếp tục đuổi chị ra khỏi nhà, chị phải cùng các con đi thuê nhà, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Tháng 5/2018 anh E vi phạm pháp luật và bị Công an tỉnh Lai Châu bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh E, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lù Văn E.

Về việc nuôi con chung: Chị T và anh Lù Văn E có 02 con chung là Lù Văn C, sinh ngày 13/10/2007 và Lù Thị T, sinh ngày 16/12/2009, hiện đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị Vàng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tưởng và anh E có nợ Ngân hàng chính sách xã hội, thủ tục vay tại Phòng giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 8.000.000 đồng với lãi suất 0,25%/tháng, từ ngày 14/12/2010 với thời hạn vay là 10 năm, mục đích vay là để làm nhà ở. Nay ly hôn chị muốn anh E có nghĩa vụ trả khoản nợ này cùng với lãi suất phát sinh hàng tháng cho Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai và ý kiến trong phiên hòa giải cùng ngày 17/8/2018 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu bị đơn Lù Văn E trình bày:

Anh và chị Vàng Thị T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2007 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Mặc dù sau khi kết hôn có mâu thuẫn về tình cảm tuy nhiên theo anh mâu thuẫn gia đình chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về việc nuôi con chung: Nay anh E đang bị tạm giam vì vi phạm pháp luật, nên nếu phải ly hôn anh nhất trí để chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Lù Văn C, sinh ngày 13/10/2007 và Lù Thị T, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Anh Lù Văn E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lù Văn E đồng ý trả khoản nợ 8.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T trình bày: Vợ chồng chị Vàng Thị T và anh Lù Văn E có làm thủ tục vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 8.000.000 đồng từ ngày 14/12/2010. Tính đến ngày 18/8/2018 số tiền lãi phát sinh là 1.777.000 đồng, tổng tiền gốc và lãi là 9.803.000 đồng. Nay chị T, anh E ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với sự thỏa thuận của chị T, anh E về việc anh E sẽ là người có nghĩa vụ trả số nợ gốc cùng số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng khi hợp đồng vay đáo hạn và đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án để bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lai Châu.

Các con chung của chị T anh E là Lù Văn Cvà Lù Thị T đều trình bày trong lời khai của mình tại Tòa án nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được ở với chị Vàng Thị T cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kết quả xác minh tại nơi cư trú trước đây của chị T, anh E trong các biên bản xác minh ngày 09/8/2018 thể hiện: Vợ chồng chị T anh E trước đây cùng chung sống tại bản Lở T1, xã S, huyện Đ. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Nguyên nhân là do anh E nghiện chất ma túy không tu chí làm ăn, lười lao động. Hai vợ chồng chị T anh E đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay, anh E có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh E là phù hợp với định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị T được ly hôn với anh Lù Văn E.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh E về việc nuôi con chung: chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lù Văn C, sinh ngày 13/10/2007 và Lù Thị T, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Lù Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lù Văn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia nghĩa vụ trả nợ chung: bị đơn Lù Văn E có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ 8.000.000 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh của số tiền vay cho đến khi hợp đồng vay đáo hạn.

3. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vàng Thị T phải chịu 300.000[đ] án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Bị đơn trong vụ án đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu, tuy nhiên anh E có nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản T1, xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Ngày 27/9/2018 Tòa án Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, anh E đã được nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhưng anh E không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh E có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh E.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ngày 08/3/2007 chị Vàng Thị T và anh Lù Văn E đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Lai Châu trên cơ sở hai bên tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị T và anh E phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên chửi, đánh nhau. Đến đầu tháng 12/2016 chị T cùng các con đi thuê nhà ở riêng, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Nguyên nhân là do anh E nghiện chất ma túy, lười lao động, không chịu khó làm ăn. Những điều đó chứng tỏ giữa vợ chồng không yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vun vén hạnh phúc gia đình; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; không có tình nghĩa vợ chồng, không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm uy tín cho nhau... Vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa hiện nay anh E còn bị tạm giam do vi phạm pháp luật. Đến nay, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lù Văn E là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[3]. Về việc nuôi con chung: Chị Vàng Thị T, anh Lù Văn E có 02 con chung là Lù Văn C, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2007 và Lù Thị T, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009 Trong các biên bản hòa giải chị T và anh E thỏa thuận: chị T sẽ tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu C và cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không trái với quy định của pháp

luật, hơn nữa cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Chị T không yêu cầu anh E cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về chia tài sản chung: Cả nguyên đơn Vàng Thị T, bị đơn Lù Văn E đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nghĩa vụ trả nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn và đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các biên bản hòa giải tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Lai Châu tỉnh Lai Châu thỏa thuận: bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 8.000.000đồng cùng toàn bộ lãi suất phát sinh cho Ngân hàng cho đến khi đến hạn trả nợ. Xét thấy sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[6]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147/Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 51, 54, 57, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị T được ly hôn với anh Lù Văn E.

2. Áp dụng thêm Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự:

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh E về việc nuôi con chung: chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung Lù Văn C, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2007 và Lù Thị T, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2009 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Lù Văn E không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lù Văn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về phân chia nghĩa vụ trả nợ chung: bị đơn Lù Văn E có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền nợ 8.000.000 đồng và toàn bộ lãi suất phát sinh của số tiền vay cho đến khi đến hạn trả nợ.

3. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vàng Thị T phải chịu 300.000[đ] án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0003126, ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;
- UBND xã S, huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Vân Anh